TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 387/2020/DS-PT
Ngày: 25/5/2020
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Hiền.**

Các Thẩm phán: Ông **Bùi Liên Minh;**

Bà **Phan Thị Út**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Bùi Nguyễn Phương Ngân.**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Lê Trọng Long** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15/01/2020, ngày 20/5/2020 và ngày 25/5/2020 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai đối với vụ án dân sự phúc thẩm đã thụ lý số 533/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 431/2019/DS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị, kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 892/2020/QĐPT-DS ngày 28/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 2466/2020/QĐ-PT ngày 19/3/2020, số 3432/2020/QĐ-PT ngày 10/4/2020, số 3911/2020/QĐ-PT ngày 04/5/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị P –** sinh năm 1946.

Địa chỉ: Số 86/21 C (số cũ 90/21 đường số 1), Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Viết H1 – sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Số 79/3/3 đường số H, Phường S, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Hợp đồng ủy quyền số 001205 ngày 18/01/2017 tại Văn phòng công chứng Ninh Thị Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Đình T** – sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Số 86/21 C (số cũ 90/21 đường số 1), Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Trần Hiến T -** sinh năm 1944;

2. Ông **Trần Minh C** – sinh năm 1966;

3. Ông **Trần Minh B** – sinh năm 1968;

4. Ông **Trần Minh T** – sinh năm 1974;

5. Ông **Trần Minh P** – sinh năm 1977;

6. Bà **Trần Thị Minh P –** sinh năm 1982;

7. Bà **Trần Thị Minh N** – sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Số 86/43-45 C, Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông **Trần Minh C** – sinh năm 1970;

9. Bà **Trần Thị Minh L** – sinh năm 1973;

Địa chỉ: Số 315/15/6 L, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Ông **Trần Văn H** – sinh năm 1950;

Địa chỉ: Số 15/2 M, Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Ông **Trần Anh H2** – sinh năm 1951;

12. Bà **Trần Thị V** – sinh năm 1952;

13. Bà **Trần Kim N** – sinh năm 1963;

14. Ông **Trần Đình K** – sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 86/21 C (số cũ 90/21 đường số 1), Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Bà **Trần Thị T** – sinh năm 1966;

Địa chỉ: Số 76/28 đường A, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Ông **Trần Quốc N -** sinh năm 1960;

17. Bà **Trần Kim A** – sinh năm 1992;

18. Trẻ **Trần Thiệm K** – sinh năm 2004;

Cùng địa chỉ: Số 82/2 P, Phường C, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của trẻ Khiêm: Ông Trần Quốc N.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, ông C, ông B, ông T, ông P, ông C, bà P, bà N, bà L, ông H, ông H, bà V, bà N, ông K, bà T, ông N, bà A: Ông Trần Viết H1 – sinh năm 1966 (có mặt).

Theo Hợp đồng ủy quyền số 005337 ngày 15/5/2017, Giấy ủy quyền số 005336 ngày 13/5/2017, ngày 15/5/2017 và số 003101 ngày 23/3/2017, ngày

27/3/2017 cùng tại Văn phòng công chứng Phú Nhuận, Tp.HCM, Giấy ủy quyền số 00033094 ngày 19/10/2018 tại Văn phòng công chứng Đầm Sen, Tp.HCM.

19. Bà **Trần Thị N** – sinh năm 1957 (là người mất năng lực hành vi dân sự theo Bản án số 343/QĐDS-ST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh)

Địa chỉ: Số 86/21 C (số cũ 90/21 đường số 1), Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người giám hộ của bà N: Bà Trần Thị P – sinh năm 1946.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Viết H1 – sinh năm 1966.

Theo Giấy ủy quyền số 016517 ngày 18/10/2017 tại Văn phòng công chứng Ninh Thị Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh.

20. Ông **Trần Đình K** – sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 22 Lô A TX Đ, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. (Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 44/QĐKNPT-VKS-DS ngày 31/10/2019).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Đình T – là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị P có ông Trần Viết H1 trình bày:* Căn nhà số 86/21 C (số cũ 90/21 đường số 1), Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp hồ sơ gốc số 3439/2001 ngày 12/3/2001 của cụ Trần Văn T (chết năm 1990) và cụ Nguyễn Thị T.

Cụ Trần Văn T (chết năm 1990) và cụ Nguyễn Thị T (chết năm 2007) có 12 người con là: Trần Thị L, Trần Thị P, Trần Văn H, Trần Anh H, Trần Thị V, Trần Đình T, Trần Thị N, Trần Đình K, Trần Kim O, Trần Kim N, Trần Thị T và Trần Đình K. Cụ Tích chết năm 1990, không để lại di chúc; cụ T chết năm 2007 có lập di chúc ngày 07/5/2001 có chứng nhận của Phòng Công chứng số 3, Thành phố Hồ Chí Minh, để lại toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cụ T và phần di sản của cụ T được hưởng của cụ T cho bà Trần Thị P. Do các đồng thừa kế không tự thỏa thuận được với nhau nên bà P khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là căn nhà trên như sau: ½ giá trị căn nhà thuộc quyền sở hữu của cụ T chia theo pháp luật và ½ giá trị căn nhà thuộc quyền sở hữu của cụ T và kỷ phần di sản cụ T được hưởng của cụ T thì chia theo di chúc. Đồng thời bà P có nguyện vọng giữ lại căn nhà và hoàn lại theo kỹ phần cho các đồng thừa kế. Trường hợp các đồng thừa kế không đồng ý thì bà P yêu cầu phát mãi căn nhà để chia theo quy định. Về giá trị căn nhà bà P đồng ý với kết quả của biên bản định giá ngày 31/5/2018.

** Bị đơn ông Trần Đình T trình bày:* Cha của ông là cụ Trần Văn T (chết năm 1990) và mẹ là cụ Nguyễn Thị T (chết năm 2007) sinh thời có tạo lập được căn nhà số 86/21 C (số cũ 90/21 đường số 1), Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Cha, mẹ ông có 12 người con bao gồm: Trần Thị L, Trần Thị P, Trần Văn H, Trần Anh H, Trần Thị V, Trần Đình T, Trần Thị N, Trần Đình K, Trần Kim O, Trần Kim N, Trần Thị T và Trần Đình K. Hiện ông là người sống trong căn nhà trên. Nay bà P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo di chúc phần tài sản thuộc quyền sở hữu của cụ T và phần di sản của cụ T được hưởng của cụ T thì ông không đồng ý, vì nếu phải chia theo di chúc của cụ T thì phần giá trị còn lại của căn nhà mà các đồng thừa kế được hưởng lại rất nhỏ. Do đó, ông yêu cầu chia toàn bộ căn nhà trên theo quy định của pháp luật. Còn về nội dung tờ di chúc của cụ T thì ông cũng đồng ý, vì đây là ý nguyện của mẹ ông. Đồng thời trong quá trình sử dụng do nhà xuống cấp nên ông bỏ tiền sửa chữa hết khoảng 21.000.000 đồng và ông yêu cầu các đồng thừa kế có trách nhiệm hoàn lại cho ông. Do ông không có khả năng hoàn lại kỷ phần cho các đồng thừa kế nên ông đồng ý để bà P hay các đồng thừa kế khác có nhu cầu sử dụng nhà. Về giá trị căn nhà thì ông của đồng ý với kết quả của biên bản định giá ngày 31/5/2018.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Hiến T, ông Trần Minh C, ông Trần Minh B, ông Trần Minh C, bà Trần Thị Minh L, ông Trần Minh T, ông Trần Minh P, bà Trần Thị Minh P, ông Trần Văn H, ông Trần Anh H, bà Trần Thị V, bà Trần Kim N, bà Trần Thị T, ông Trần Đình K, ông Trần Quốc N, bà Trần Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Minh N và bà Trần Thị N có ông Trần Viết H1 là người đại diện hợp pháp thống nhất với yếu cầu của bà Trần Thị Phùng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình K vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án và cũng không có ý kiến hòa giải bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông K.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 431/2019/DS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử:*

- Áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a và c khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 9, khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 631, Điều 633, Điều 634, Điều 635, Điều 646, Điều 647, Điều 648, Điều 649, Điều 650, Điều 652, Điều 653, Điều 656, Điều 657 và Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 623, Điều 468, khoản 1 Điều 644, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng luật phí, lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P.

1. Xác định căn nhà nhà số 86/21 C (số cũ 90/21 đường số 1), Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2001 thuộc quyền sở hữu của cụ Trần Văn T và cụ Nguyễn Thị T có giá trị là 6.277.206.366 đồng là di sản của cụ T và cụ T để lại.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn T gồm có vợ là cụ Nguyễn Thị T và 12 người con là: Trần Thị L, Trần Thị P, Trần Văn H, Trần Anh H, Trần Thị V, Trần Đình T, Trần Thị N, Trần Đình K, Trần Kim O, Trần Kim N, Trần Thị T và Trần Đình K.

3. Di sản của cụ Trần Văn T là 3.318.603.183 đồng được chia đều cho 13 đồng thừa kế, cụ thể: Cụ Nguyễn Thị T và các ông/bà: Trần Thị L (chồng bà L là ông Trần Hiến T và các con: Trần Minh C, Trần Minh B, Trần Minh T, Trần Minh P, Trần Thị Minh P, Trần Thị Minh N, Trần Minh C và Trần Thị Minh L được hưởng) Trần Thị P, Trần Văn H, Trần Anh H2, Trần Thị V, Trần Đình T, Trần Thị N, Trần Đình K, Trần Kim O (chồng bà O là ông Trần Quốc N và con: Trần Thị Kim A và Trần Thiện K được hưởng), Trần Kim N, Trần Thị T và Trần Đình K, mỗi người được hưởng số tiền là 241.431.014 đồng.

4. Công nhận tờ di chúc số 11088, quyển số 03 do cụ Nguyễn Thị T được lập ngày 07/5/2001 tại Phòng Công Nhà nước số 3 Thành phố Hồ Chí Minh là hợp pháp.

5. Di sản của cụ Nguyễn Thị T là 3.380.034.197 đồng. Bà Trần Thị P được hưởng 3.192.254.520 đồng. Bà Trần Thị N được hưởng 187.779.644 đồng.

5.1 Tổng số tiền bà Trần Thị P được hưởng di sản của cụ Trần Văn T và cụ Nguyễn Thị T là 3.433.685.534 đồng.

5.2 Tổng số tiền bà Trần Thị N được hưởng di sản của cụ Trần Văn T và cụ Nguyễn Thị T là 429.210.691 đồng.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị P hoàn trả lại cho ông Trần Đình T tiền sửa chữa nhà là 21.000.000 đồng.

7. Giao căn nhà số số 86/21 C (số cũ 90/21 đường số 1), Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/3/2001 cho bà Trần Thị P quản lý, sử dụng. Bà P có trách nhiệm hoàn lại cho các đồng thừa kế của cụ Trần Văn T và cụ Nguyễn Thị T trong thời hạn 03 tháng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, cụ thể như sau:

7.1 Ông Trần Đình T số tiền là 262.431.014 đồng.

7.2 Bà Trần Thị L số tiền là 241.431.014 đồng, những người thừa kế của bà O có chồng là ông Trần Hiến T và các con gồm: Trần Minh C, Trần Minh B, Trần Minh Tr, Trần Minh P, Trần Thị Minh P, Trần Thị Minh N, Trần Minh C và Trần Thị Minh L.

7.3 Bà Trần Kim O số tiền là 241.431.014 đồng, những người thừa kế của bà O có chồng là ông Trần Quốc N và các con Trần Thị Kim A, Trần Thiện K.

7.4 Ông Trần Minh H, ông Trần Anh H, bà Trần Thị V, bà Trần Kim N, ông Trần Đình K, bà Trần Thị T và ông Trần Đình K, mỗi người nhận số tiền là 241.431.014 đồng.

7.5 Bà Trần Thị N số tiền là 429.210.691 đồng.

Kể từ ngày các ông, bà có tên nêu trên có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà P không thi hành thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

8. Sau khi bà Trần Thị P hoàn trả đủ số tiền cho các đồng thừa kế thì bà Phùng được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xác lập quyền sở hữu đối với căn nhà số 86/21 C (số cũ 90/21 đường số 1), Phường H, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 3439/2001 ngày 12/3/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho cụ Trần Văn T và cụ Nguyễn Thị T.

9. Giao phần di sản của bà Trần Thị N được hưởng số tiền 429.210.691 đồng cho bà Trần Thị P là người đại diện theo pháp luật quản lý.

10. Giao phần di sản của ông Trần Đình K được hưởng số tiền 241.431.014 đồng cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tạm thời quản lý theo luật Thi hành án dân sự đến khi nào ông K có đơn yêu cầu được nhận di sản này thì ông K sẽ được giao trả. Trường hợp không có người nhận thì phần di sản này thuộc về nhà nước.

11. Về án phí dân sự sơ thẩm:

11.1 Bà Trần Thị P phải chịu số tiền án phí sơ thẩm 100.673.710 đồng nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 19.800.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012124 ngày 10/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị P phải nộp thêm số tiền 80.873.710 đồng.

11.2 Ông Trần Đình T, ông Trần Minh H, ông Trần Anh H, bà Trần Thị V, bà Trần Kim N, ông Trần Đình K, bà Trần Thị N và ông Trần Đình K, mỗi người phải chịu số tiền án phí sơ thẩm 12.071.550 đồng.

11.3 Các ông/bà Trần Hiến T, Trần Minh C, Trần Minh B, Trần Minh T, Trần Minh P, Trần Thị Minh P, Trần Thị Minh N, Trần Minh C và Trần Thị Minh L phải chịu số tiền án phí sơ thẩm 12.071.550 đồng.

11.4 Ông Trần Quốc N, Trần Thị Kim A và Trần Thiện K phải chịu số tiền án phí sơ thẩm 12.071.550 đồng.

11.5 Bà Trần Thị N phải chịu số tiền án phí sơ thẩm 21.168.428 đồng.

- Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông Trần Đình T nộp đơn kháng cáo đề ngày 10/10/2019, nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 44/QĐKNPT-VKS-DS ngày 31/10/2019.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 44/QĐKNPT-VKS-DS ngày 31/10/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì Bản án sơ thẩm nhận định ông K hiện đang cư trú tại địa chỉ số 22 lô A TX Đ Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, được Tòa án tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và giải quyết ông K được hưởng một suất thừa kế di sản của ông T nhưng lại căn cứ điểm b khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 là không có cơ sở vì không thuộc trường hợp xác định di sản thuộc về Nhà nước khi hết thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế. Trường hợp này di sản thừa kế phải được giao cho ông K**;** Bản án tuyên bà P có trách nhiệm hoàn lại theo nội dung mục 7.2, 7.3 là chưa rõ ràng, cụ thể về người được hưởng và số tiền được hưởng, gây khó khăn cho việc thi hành án, mục 7.2 ghi tên *"Trần Thị L"* nhưng hai dòng sau đó lại ghi *"người thừa kế của bà O"* là chưa chính xác. Tương tự tại mục 7.4, 11.2 ghi tên *"Trần Minh H"* là không đúng với giấy khai sinh ghi Trần Văn H**;** Theo các giấy khai sinh thì bà Trần thị P, ông Trần Đình T, ông Trần Văn H, ông Trần Anh H, bà Trần Thị V, bà Trần Thị N đều trên 60 tuổi, trẻ Trần Thiện K tại thời điểm xét xử sơ thẩm chưa đủ 16 tuổi, tòa cấp sơ thẩm chưa xem xét miễn án phí cho các đương sự tên theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 là chưa chính xác.

- Bị đơn ông Trần Đình T là người kháng cáo trình bày: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, ghi nhận công sức nuôi dưỡng của ông T đối với bà Trần Thị N bị mất năng lực hành vi dân sự. Ông Thục cho rằng bà Trần Thị L – sinh năm 1944, mất năm 2014, có chồng ông Trần Hiến T - sinh năm 1944 có 09 người con chung, ngoài 08 người trong hồ sơ thì còn ông Trần Minh N, sinh ngày 06/02/1976 theo giấy khai sinh số 170/1976, quyển số 1 ngày 23/02/1976 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình.

- Nguyên đơn là bà Trần Thị P do người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Viết H trình bày: Xác nhận ông Trần Minh N là con của bà Trần Thị L, ông Trần Hiến T theo giấy khai sinh do bị đơn xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm. Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Trần Hiến T, ông Trần Minh C, ông Trần Minh B, ông Trần Minh C, bà Trần Thị Minh L, ông Trần Minh T, ông Trần Minh P, bà Trần Thị Minh P, ông Trần Văn H, ông Trần Anh H, bà Trần Thị V, bà Trần Kim N, bà Trần Thị T, ông Trần Đình K, ông Trần Quốc N,

bà Trần Thị Kim A, bà Nguyễn Thị Minh N và bà Trần Thị N có ông Trần Viết H1 là người đại diện hợp pháp thống nhất đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình K vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa phúc thẩm, không rõ lý do, dù được triệu tập hợp lệ, nên không có phần trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận xét những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Về hình thức đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ. Về nội dung vụ án đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 44/QĐKNPT-VKS-DS ngày 31/10/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

[1.1] Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 44/QĐKNPT-VKS-DS ngày 31/10/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp lệ.

[1.2] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình T trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Đình K vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa phúc thẩm, không rõ lý do, dù được triệu tập hợp lệ, theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt ông Trần Đình K.

[3] Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

[3.1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình T: Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 15/01/2020, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định ông Trần Hiến T - sinh năm 1944 và bà Trần Thị L – sinh năm 1944, (chết năm 2014) có 08 người con chung là: Ông Trần Minh C – sinh năm 1966, ông Trần Minh B – sinh năm 1968, ông Trần Minh C – sinh năm 1970, ông Trần Minh T – sinh năm 1974, bà Trần Thị Minh N – sinh năm 1971, bà Trần Thị Minh L – sinh năm 1973, ông Trần Minh P – sinh năm 1977, bà Trần Thị Minh P – sinh năm 1982. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/5/2020 có tình tiết mới do bị đơn xuất trình Giấy khai sinh số 170/1976 quyển số 1 đăng ký ngày 23/02/1976 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

(chứng nhận sao y bản chính), nội dung ông Trần Minh N – sinh năm 1976, mẹ bà Trần Thị L – sinh năm 1944, chết năm 2014, cha là ông Trần Hiến T - sinh năm 1944, và được ông Trần Viết H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trừ ông Trần Đình K) xác định là đúng. Do vậy, cần thiết phải đưa ông Nhật vào tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L là có căn cứ.

[3.2] Xét Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 44/QĐKNPT-VKS-DS ngày 31/10/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

[3.2.2] Ông Trần Đình K hiện cư trú tại địa chỉ số 22 lô A TX Đ, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, được Tòa án tống đạt trực tiếp văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và giải quyết ông K được hưởng một suất thừa kế di sản của ông Trần Văn T, Tòa cấp sơ thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 là không có cơ sở vì không thuộc trường hợp xác định di sản thuộc về Nhà nước khi hết thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế. Trường hợp này di sản thừa kế phải được giao cho ông Khôi.

[3.2.3] Bà Trần thị P, ông Trần Đình T, ông Trần Văn H, ông Trần Anh H, bà Trần Thị V, bà Trần Thị N đều trên 60 tuổi, theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 những đương sự trên có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, thì được chấp nhận.

[3.3] Từ những phân tích trên, Tòa cấp sơ thẩm chưa thu thập đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, các lời khai của đương sự cũng như triệu tập chưa đầy đủ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết theo thẩm quyền.

[3.4] V□ g phs dh s□ s□ th□m: sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

[3.5] Về án phí dân sự phúc thẩm: do hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ông Trần Đình T theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi 2009*: "Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên"* và theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, ông là đối tượng được miễn nộp án phí, nên hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông Thục.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 26, Điều 147, Điều 148, Điều 293, Điều 296, Điều 306, Khoản 3 Điều 308, Điều 313, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội.

* Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình Thục trong hạn luật định được chấp nhận. Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 44/QĐKNPT-VKS-DS ngày 31/10/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự là hợp lệ.

* Về nội dung: Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Đình T.

Tuyên xử:

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 431/2019/DS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, về việc *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị P – sinh năm 1946.

- *Bị đơn:* Ông Trần Đình T – sinh năm 1955.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Hiến T - sinh năm 1944;

2. Ông Trần Minh C – sinh năm 1966;

3. Ông Trần Minh B – sinh năm 1968;

4. Ông Trần Minh T – sinh năm 1974;

5. Ông Trần Minh P – sinh năm 1977;

6. Bà Trần Thị Minh P – sinh năm 1982;

7. Bà Trần Thị Minh N – sinh năm 1971;

8. Ông Trần Minh C – sinh năm 1970;

9. Bà Trần Thị Minh L – sinh năm 1973;

10. Ông Trần Văn H – sinh năm 1950;

11. Ông Trần Anh H – sinh năm 1951;

12. Bà Trần Thị V – sinh năm 1952;

13. Bà Trần Kim N – sinh năm 1963;

14. Ông Trần Đình K – sinh năm 1968;

15. Bà Trần Thị T – sinh năm 1966;

16. Ông Trần Quốc N - sinh năm 1960;

17. Bà Trần Kim A – sinh năm 1992;

18. Trẻ Trần Thiệm K – sinh năm 2004;

19. Bà Trần Thị N – sinh năm 1957

20. Ông Trần Đình K – sinh năm 1959.

2. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn lại cho bị đơn ông Trần Đình T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0039292 ngày 21/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao tại TP.HCM;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND quận Tân Bình;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THA quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Hiền